TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-8-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2. Ông Nguyễn Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim Nh, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: Phường X, Thành phố X1, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Quốc H , sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: Xã Y, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Phường X, Thành phố X1, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2018, bản tự khai ngày 16/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Kim Nh trình bày:

Bà Lê Thị Kim Nh và ông Phạm Quốc H là vợ chồng, kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 231, quyển số 01 ngày 01/9/2004. Quá trình chung sống, bà Nh và ông H có 02 con chung là cháu Phạm Anh T, sinh ngày 06/6/2000 và cháu Phạm Thị Hồng Th, sinh ngày 01/01/1996. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, ông Hùng thường xuyên đi nhậu về

khuya và la mắng mẹ con, bà Nh và ông H sống ly thân cho 3 năm nay. Bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Quốc H . Về con chung: Cháu Phạm Thị Hồng Th, sinh ngày 01/01/1996 và cháu Phạm Anh T, sinh ngày 06/6/2000, các con đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phạm Quốc H trình bày:

Ông H thống nhất với lời trình bày của bà Nh về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông H và bà Nh đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Ông H và bà Nh có nhiều mâu thuẫn, ông H đôi lúc có nóng tính và chửi vợ. Ông H cho rằng vợ chồng ở chung thì phải có nhiều lúc bất đồng quan điểm, ông H không đồng ý ly hôn vì vẫn còn muốn giữ gia đình mình. Về con chung: Cháu Phạm Thị Hồng Th, sinh ngày 01/01/1996 và cháu Phạm Anh T, sinh ngày 06/6/2000, các con đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim Nh khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn với bị đơn Phạm Quốc H. Bị đơn ông Phạm Quốc H có đăng ký tạm trú tại số phường X, Thành phố X, tỉnh Bình Dương. Căn cứ theo quy định pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ban hành và tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông H cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Bà Lê Thị Kim Nh và ông Phạm Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 231, quyển số 01 ngày 01/9/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà Nh yêu cầu được ly hôn với ông H vì cho rằng trong quá trình chung sống thì thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hòa giải, hàn gắn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, ông thường xuyên đi nhậu về khuya và la mắng mẹ con, bà Nh và ông H sống ly thân cho 3 năm nay. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2019 ông H thừa nhận vợ chồng ông có nhiều mâu thuẫn, có lúc ông nóng tính và chửi vợ, hiện tại vợ chồng ông không ăn cơm chung, không xài tiền chung và không nói chuyện với nhau, hai vợ chồng cũng không ngủ chung với nhau 03 năm nay. Mặc dù, ông không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có phương án để gia đình hạnh phúc trở lại. Xét, bà Nh và ông H thống nhất quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ông H la mắng vợ con nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Nh và ông H ngày 20/6/2019 tại địa phương thể hiện hiện nay vợ chồng bà Nh, ông H đã ly thân với nhau. Nhận thấy, nội dung Biên bản xác minh phù hợp với lời trình bày của các đương sự, thời gian xảy ra mâu thuẫn đã lâu và vợ chồng bà Nh, ông H không có ý nguyện hàn gắn, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn của bà Nh là có cơ sở. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Nh là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà Nh và ông H có 02 con chung là cháu Phạm Anh T, sinh ngày 06/6/2000 và cháu Phạm Thị Hồng Th, sinh ngày 01/01/1996, các con đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét, lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim Nh phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 54, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim Nh đối với ông Phạm Quốc H về việc tranh chấp ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim Nh được ly hôn đối với ông Phạm Quốc H.

- Về con chung: Bà Nh và ông H có 02 con chung là cháu Phạm Thị Hồng Th, sinh ngày 01/01/1996 và cháu Phạm Anh T, sinh ngày 06/6/2000, các con đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim Nh phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0033612 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Tương Bình Hiệp;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thắm